

**TCT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:...../CPNT2-TMTTĐ

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

V/v: Báo giá dự toán mua sắm hóa chất phục vụ sản xuất và thử nghiệm đợt 2026.

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà thầu tham dự chào giá lập dự toán

Tiếp theo công văn số 907/CPNT2-TMTTĐ ngày 20/07/2026, PVPower NT2 đang xây dựng dự toán công tác mua sắm hóa chất phục vụ sản xuất và thử nghiệm đợt 2026 với danh mục và thông số kỹ thuật của hàng hóa chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.

Đề nghị Quý Công ty gửi báo giá và các tài liệu kỹ thuật, thông tin về hàng hóa (nhà sản xuất, xuất xứ, chứng từ đính kèm hàng hóa ...) và thời gian giao hàng cụ thể của hàng hóa mà Quý Công ty chào trong bản báo giá cho PVPower NT2 theo thông tin như sau:

- Hình thức gửi báo giá: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax/ Email;
- Thông tin tiếp nhận báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 -Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai; Điện thoại: 0251 2225899; Fax : 0251 2225897; Email: vanthu@pvnt2.com.vn
- Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 16h00 ngày 25/09/2026

Trân trọng.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD (thay b/c);
- P.KTSX, P.TCKT, P.TMTTĐ;
- Lưu VT.

Đính kèm:

 



Nguyễn Trung Thu

Phụ lục 1: danh mục và đặc tính kỹ thuật/ quy cách

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, ...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất tham chiếu	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
I	HÓA CHẤT SẢN XUẤT							
1	HCl (liquid, 32%)	Xe bồn	kg	14.000	Vedan			
2	NaOH (liquid, 45%)	Xe bồn	kg	13.000	Vedan			
3	NaClO (liquid, 10%)	30 kg/ can	kg	820	Vedan			
4	Na ₂ SO ₃ (96 % solid)	25 kg/ bao	kg	225	Birlasulf			
5	Ammonia (NH ₄ OH) 25%	200 kg/phuy (220 lit/phuy)	kg	6.400	Vedan			
6	PAC liquid 10%	Loại lỏng bồn 1 m ³	kg	5.000	VietChem			
7	Carbohydrazide	25kg/bao	kg	50	Foconsci Chemical Industry			
8	Na ₃ PO ₄	25kg/bao	kg	25	Chemical Plant			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, ...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất tham chiếu	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
II	HÓA CHẤT THỬ NGHIỆM							
9	Thuốc thử Silica Swan (A85420131)	A85420131	bộ	2	Swan			
10	Dung dịch chuẩn Silica 100 ppm (A85 142 400)	A85 142 400, chai 100 ml	chai	1	Swan			
11	Thuốc thử Silica Hach gồm:	Dùng cho máy Silica Hach 5500sc			Hach			
11.1	Molybdate, Silica chai 2 lít	6774802, chai 2 lít	chai	1	Hach			
11.2	Citric acid-Surfactant Solution, Silica chai 2 lít	6774902, chai 2 lít	chai	1	Hach			
11.3	Standart, Silica 0.5 mg/l chai 2 lít	6775002, chai 2 lít	chai	1	Hach			
11.4	Amino Acid F Dilution Solvent, Silica chai 1.8 lít	6775202, chai 1.8 lít	chai	1	Hach			
11.5	Amino Acid F Powder, Silica	6775355	lọ	1	Hach			
12	Thuốc thử Silica ULR (25535-00)	25535-00, bộ/100 test	bộ	2	Hach			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, ...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất tham chiếu	Xuất xứ	Chứng tư cung cấp	Ghi Chú
13	Amino acid F reagent solution, 100 mL	23864-42	chai	3	Hach			
14	Amino acid F reagent powder pillow, 100/pkg	22540-69	túi	3	Hach			
15	Bộ chuẩn độ đục (26621-05)	26621-05	bộ	1	Hach			
16	Dung dịch KCl.Ag 3M (S21M004)	S21M004, chai 100 ml	chai	1	Radiometer			
17	Dung dịch đệm chuẩn pH 7.0 (2283549)	S11M013, chai 500 ml	chai	1	Hach			
18	Dung dịch đệm chuẩn pH 10.0 (2283649)	S11M014, chai 500 ml	chai	1	Hach			
19	Dung dịch pH 11 (51350012)	chai 250ml	chai	2	Mettler Toledo			
20	Dung dịch pH 4 QC Check CRM	QCI-112-4, chai 500 ml	chai	1	NSI Lab solutions			
21	Dung dịch pH 7 QC Check CRM	QCI-112-7, chai 500 ml	chai	5	NSI Lab solutions			
22	Dung dịch pH 9 QC Check CRM	QCI-112-9, chai 500 ml	chai	1	NSI Lab solutions			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, ...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất tham chiếu	Xuất xứ	Chứng từ cung cấp	Ghi Chú
23	Thuốc thử độ cứng (2319900)	2319900	bộ	1	Hach			
24	COD Disgestion Vial, LR (TNT821)	TNT821, hộp/ 25 ống	hộp	1	Hach			
25	Dung dịch có chỉ số acid 1.5mgKOH/g (VHG-AN-1.5- 100G)	chai 100ml	chai	1	LGC Labs			
26	Dung môi Toluene phân tích (1.08325.1000)	Chai 1 Lít	chai	1	Merck			
27	OXYCON ON-LINE Reagents - OXYCON ON-LINE DPD (8 chai 50ml) - OXYCON ON-LINE Bufer (8 túi 240g)	A-85.410.120	bộ	2	Swan			
28	Reagent set LR test 'N tube™ Amver™ Nitrogen Ammonia	Mã hàng: 26045-45 25 test	bộ	4	Hach			
29	DPD free Chlorine reagent powder pillows	21055-69 100/pkg	bộ	1	Hach			
30	Total residual chlorine concentrated 1.00 mg/L	QCI-187	bộ	1	NSI lab			

STT	Tên thiết bị / Vật tư	Mô tả hàng hóa (ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm, Thông số kỹ thuật, ...)	Đơn vị	Số lượng	Nhà sản xuất tham chiếu	Xuất xứ	Chứng tử cung cấp	Ghi Chú
31	Custom ammonium as N standard – 5 mg/L	Q-11359-I-5, 500 mL	chai	8	Hach			
32	Custom TSS standard - 50 mg/L	Q-11356-I-50, chai 500 mL	chai	12	NSI, USA			
33	Custom COD standard - 50 mg/L	Q-11357-I-50, chai 500 mL	chai	12	NSI, USA			
34	Microbe-lift N1 - Vi sinh xử lý Nito, ammonia	chai 1 gallon (3,785 lít)	chai	18	Ecological laboratories Inc			
35	Dutrax-bio men vi sinh giống làm sạch nước thải	chai 250 mL, chứa vi sinh bacillus subtilis	chai	12	Micobe-Lift			
36	Mật rỉ đường Sfarm chai 1 lít	chai 1 lít	chai	2	Sfarm			